UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 628 /QĐ-TTPTQĐ

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 32 (ba mươi hai) cơ sở nhà, đất cho thuê ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 3 - tháng 10/2026)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê ngắn hạn do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;

Căn cứ Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc uỷ quyền phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Thực hiện Thông báo số 766/TB-VP ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng về kết luận cuộc họp giao ban ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố; Công văn số 9361/VP-ĐTĐT ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố về việc triển khai Thông báo số 126-TB/ĐU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy UBND thành phố;

Thực hiện Kế hoạch số 62/KH-TTPTQĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất về "Chiến dịch 90 ngày đêm tổ chức khai thác ngắn hạn hiệu quả quỹ nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất đang quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đấu giá và Giá đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 32 (ba mươi hai) cơ sở nhà, đất cho thuê ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 3 - tháng 10/2026) tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ danh mục và đơn giá khởi điểm tại Điều 1 nêu trên, Phòng Đấu giá và Giá đất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê đất ngắn hạn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Trung tâm; Trưởng các phòng: Phòng Đấu giá và Giá đất; Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất; Phòng Bồi thường, Giải phóng mặt bằng và Đo đạc; Giám đốc các Chi nhánh khu vực trực thuộc Trung tâm và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT;
- Lưu VT, ĐG&GĐ.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Võ Nguyên Chương

oanhcdkyd 08/03/2020 10:50:17 4 0 arthoydk - baydlc@gmail.com

PHỤ LỤC

Danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 32 (ba mươi hai) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 628 /QĐ-TTPTQĐ ngày 06 / 10 /2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố)

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
I	**Phường Điện Bàn**					
1	Phòng Giáo dục đào tạo (cũ), Vĩnh Điện	Cơ sở giáo dục	1.762,00	312,94	60 tháng	14.449
2	Trường THPT Nguyễn Khuyến (cũ), đường Quốc lộ 1A (cũ), Điện Phương	Cơ sở giáo dục	9.536,00	1.475,00	60 tháng	26.702
3	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam (Cơ sở 2), Quốc lộ 1A (cũ), Điện Phương	Cơ sở giáo dục	9.536,00	1.475,00	60 tháng	16.660
II	**Xã Nam Trà My**					
1	Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trà My (cũ)	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	1.727,00	290,00	60 tháng	39.745
2	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam (cũ)	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	4.829,30	961,00	60 tháng	8.637
III	**Xã Bến Giằng**					
1	Cơ sở 7 Trường TH Cà Dy	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	510,00	128,00	60 tháng	3.349
2	Cơ sở 4 (Trạm đài truyền thanh Cà Dy)	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	600,00	288,00	60 tháng	822
3	Cơ sở 11 (Trụ sở UBND xã Cà Dy cũ)	Thương mại dịch vụ	1.088,00	213,00	60 tháng	1.712

4	Nhà làm việc Phòng NN&PTNT	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	3.600,00	427,00	60 tháng	475
IV	**Xã Bến Hiên**					
1	Trạm Y tế xã Kà Dăng (cũ), Thôn Bến Hiên	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	500,00	330,00	60 tháng	325
V	**Xã Tây Hồ**					
1	Trung tâm giống nông lâm nghiệp Tam An, Thôn An Thiện, xã Tây Hồ	Thương mại dịch vụ	41.140	2.106,2	60 tháng	9.616
VI	**Xã Chiên Đàn**					
1	Nhà mẫu giáo đội 11 HTX Tam An 3 trước đây Xuân Định	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	1.400	0	60 tháng	1.625
2	Trụ sở làm việc của HĐND -UBND-UBMTTQVN Thị Trấn Phú Thịnh (mới), huyện Phú Ninh (Cũ)	Thương mại dịch vụ	10.000	420	60 tháng	25.852
3	Trụ sở đội Thuế xã Tam Đàn Trước đây chuyển giao	Thương mại dịch vụ	150	54	60 tháng	29.200
4	Trường TH Đinh Tiên Hoàng cơ sở 2 thôn Xuân Trung xã Tam Đàn Trước đây	Đất công trình giao thông (kho bãi,...)	2.000	280	60 tháng	14.886
5	Trụ sở đội thuế Tam Thái (Cũ) huyện Phú Ninh trước đây	Thương mại dịch vụ	200	50,4	60 tháng	21.582
6	Nhà đội 5 HTX Tam Đàn 1	Thương mại dịch vụ	600	0	60 tháng	8.382
7	Trường mẫu giáo Anh Đào (Thôn Trường Mỹ)	Cơ sở giáo dục	626	300	60 tháng	42.535
8	Trụ sở HĐND - UBND, UBMTTQVN xã Tam Thái, huyện Phú Ninh (cũ)	Thương mại dịch vụ	3.000	219	60 tháng	28.466

VII	**Xã Hiệp Đức**					
1	Trạm y tế Tân An cũ	Cơ sở y tế	600	88,62	60 tháng	9.268
VIII	**Xã Việt An**					
1	Trường mẫu giáo Sơn Ca phân hiệu thôn An Cường (PH An Tây cũ)	Cơ sở y tế	570	0	60 tháng	2.136
IX	**Xã Thăng An**					
1	Nhà Đội thuế Bình Đào (cũ)	Thương mại, dịch vụ	180	66	60 tháng	48.059
X	**Phường Hải Vân**					
1	Số 520 Nguyễn Lương Bằng, phường Hải Vân (Nhà Hạt kiểm lâm Liên Chiểu cũ trước đây đã bàn giao cho phường)	Thương mại dịch vụ	361	156	60 tháng	442.177
XI	**Phường Ngũ Hành Sơn**					
1	135 Minh Mạng	Thương mại dịch vụ	2.571	0	60 tháng	863.290
2	Vườn ươm tạm số 7 (Tiên Sơn). Phường Mỹ An	Thương mại dịch vụ	14.521	0	60 tháng	1.163.485
XII	**Xã Thăng Bình**					
1	Cơ sở tại Trường MG Hà Lam cũ (Khu phố 1, tổ 2 cũ), đườngTiểu La (thửa 122 TBĐ 39)	Thương mại dịch vụ	225	0	60 tháng	75.854
XII	**Xã Hòa Tiến**					
1	Đất giáo dục thôn Nam Sơn (Mầm non 2)	Đất công trình giao thông (kho bãi...)	1.500,0	60,96	60 tháng	54.113
XIII	**Xã Hòa Vang**					
1	Nhà văn hóa thôn Cẩm Toại Đông (cũ) – thôn Cẩm Toại Đông , xã Hòa Vang	Đất công trình giao thông (kho bãi...)	281,1	42,40	60 tháng	42.291

2	Trường mầm non Hòa Phong - KV Cẩm Toại Trung 4, thôn Cẩm Toại Trung, xã Hòa Vang	Đất công trình giao thông (kho bãi...)	287,9	81,00	60 tháng	40.330
XIV	**Xã Trà Liên**					
1	Trường mẫu giáo Hương Sen- Điểm trường tổ 3 thôn 2	Cơ sở giáo dục	966,0	80,0	60 tháng	7.122
XV	**Xã Tiên Phước**					
1	Cơ sở nhà, đất số 14 Huỳnh Thúc Kháng, xã Tiên Phước (Trụ sở làm việc Ủy ban mặt trận huyện)	Thương mại dịch vụ	1.907,0	888,0	60 tháng	84.351
XVI	**Xã Xuân Phú**					
1	Trụ sở làm việc tại xã Xuân Phú thuộc Thuế cơ sở 8	Thương mại dịch vụ	148,50	120,0	60 tháng	28.417

oanhcdkyd 08/03/2026 10:50:47 - banhcdkyd - banhcdk